

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 417/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2020
V/v tranh chấp: “Xin ly hôn
nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thu Hồng.**

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Loan.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hồ Thị P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp V, xã L, thị xã G, tỉnh T.

- Bị đơn: Đỗ Thanh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh T.

(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Hồ Thị P trình bày:

Chị và anh Đỗ Thanh T sống chung với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện G, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 01/2010. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, chị và anh T

đã sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 01 con chung Đỗ Duy K, sinh ngày 20/8/2010. Chị P yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Đỗ Thanh T vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật.

Bị đơn anh Đỗ Thanh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị P và anh Đỗ Thanh T sống chung với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện G, tỉnh T năm 2010. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, chị P và anh T đã sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Nay chị P yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Đối với cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 20/8/2010. Hiện nay cháu K đang do chị P chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời cháu K cũng có nguyện vọng khi chị P và anh T ly hôn thì cháu K mong muốn được sống với mẹ là chị P nên việc chị P yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Cần chấp nhận yêu cầu của của chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu K nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu K.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều: 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

-Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ Thị P được ly hôn với anh Đỗ Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 20/8/2010 cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu K.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, về nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí HNST:

Chị Hồ Thị P phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị P đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0016833 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G được căn trù xem như chị P đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Nguyên

đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

** Nơi nhận:*

- Đường sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- CCTHADS huyện Gò Công Tây ;
- UBND xã Bình Tân;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh